

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/HS-ST

Ngày: 21/5/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BẮC KẠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Ma Thị Nguyên**
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Đình Thỏa**; Nghề nghiệp: Cán bộ, nơi công tác: Hạt kiểm lâm huyện B, tỉnh Bắc Kạn.
2. Bà **Đinh Thị Mỹ**; Nghề nghiệp: Cán bộ; nơi công tác: Đoàn TNCS Hồ Chí Minh huyện B, tỉnh Bắc Kạn.
- Thư ký phiên tòa: Ông **Cao Văn Thuận** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: bà **Bàn Thị Hương** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2020/TLST-HS ngày 14 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXXST-HS ngày 10/3/2020 đối với các bị cáo:

1. Lê Văn Th, Sinh ngày 11 tháng 8 năm 1995 tại huyện L, tỉnh Bắc Giang. Nơi ĐKKHKT: Thôn X, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Chỗ ở trước khi phạm tội: Thôn H, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hóa: Lớp 9/12. Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn B và bà Lê Thị Nh; vợ; con: chưa có; tiền sự: Không; tiền án: Có 01 tiền án, Bản án số 324/2017/HSST ngày 29/9/2017, Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 20 (Hai mươi) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành án xong ngày 22/11/2018. Nhân thân: Tại bản án số 291/2019/HSST, ngày 25/11/2019 bị Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 28 (hai mươi tám) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam V – Cục C10 – Bộ Công an theo Quyết định thi hành án số: 28/2019/QĐ-CA, ngày 28 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Hứa Văn B, Sinh ngày 11/9/2002 tại huyện L, tỉnh Bắc Giang. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn C, xã Ph, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Nghề nghiệp: Lao

động tự do. Trình độ văn hóa: Lớp 10/12. Dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hứa Văn S và bà Lăng Thị Nh; vợ; con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Hứa Văn B sinh ra và lớn lên tại xã Ph, huyện L, tỉnh Bắc Giang, được gia đình nuôi ăn học hết lớp 10 thì nghỉ học lao động tự do. Năm 2017 bị Công an thành phố B, tỉnh Bắc Ninh xử phạt hành chính bằng hình thức Cảnh cáo về hành vi “Trộm cắp tài sản” tại Quyết định số 238/QĐ-XLHC, ngày 12/8/2017.

Tại bản án số 291/2019/HSST, ngày 25/11/2019 bị Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 16 (mười sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam N – Cục C10 – Bộ Công an theo Quyết định thi hành án hình phạt tù số: 79/2019/QĐ-CA, ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Hứa Văn B: Bà Lăng Thị Nh, sinh năm 1978 (mẹ đẻ của bị cáo). Trú tại: Thôn C, xã Ph, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Vắng mặt – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Bằng: Ông Lý Văn Trung – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

* **Bị hại:** Anh Nông Văn T, Sinh năm 1982. Trú tại: Thôn N, xã V, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Nguyễn Duy Đ, Sinh năm 1970. Trú tại: Phố N, thị trấn P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt

2. Hứa Văn Tr, Sinh năm 1993. Trú tại: Thôn N, xã Ng, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt

3. Đinh Như D, Sinh năm 1975. Trú tại: Thôn Chn, xã V, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

* **Người làm chứng:** Đinh Thị Đ, sinh năm 2000. Trú tại: Thôn Ch, xã V, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 09/8/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện B nhận được đơn trình báo của anh Nông Văn T, sinh năm 1982. Trú tại: Thôn N, xã V, huyện B, tỉnh Bắc Kạn về việc khoảng 11^h 30' ngày 09/8/2019 anh Th đi làm về thì phát hiện trong nhà bị kẻ gian đột nhập cậy phá cửa tủ trộm 01 (một) dây chuyền vàng tây; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J2 PRO, màu đen, màn hình cảm ứng.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện B đã làm rõ được Lê Văn Th, sinh năm 1995, nơi cư trú: thôn H, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang và Hứa Văn B, sinh ngày 11/9/2002, nơi cư trú tại thôn C, xã Ph, huyện L, tỉnh Bắc Giang là người thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của anh Nông Văn T. Tại Cơ quan điều tra Th và B đã thừa nhận hành vi trộm cắp và Th đã giao nộp số tiền 1.825.000đ (Một triệu tám trăm hai năm nghìn đồng) do bán tài sản trộm cắp tại nhà anh T có được cho cơ quan điều tra.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn Th và Hứa Văn B khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như sau: Do Thức có mối quan hệ yêu đương với Đinh Thị Đ, sinh năm 2000, trú tại thôn Ch, xã V, huyện B, tỉnh Bắc Kạn nên ngày 28/6/2019 Th và B cùng lên nhà ở của Đ tại thôn Ch, xã V, huyện B, tỉnh Bắc Kạn chơi. Từ đó, cả Th và B cùng ăn, ở, làm việc và sinh hoạt cùng gia đình Đ. Đến ngày 09/8/2019, do không còn tiền chi tiêu cá nhân nên Th đã nảy sinh ý định tìm tài sản để trộm cắp, rồi rủ B cùng thực hiện, B đồng ý. Để có phương tiện đi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, khoảng 09 giờ cùng ngày Th hỏi mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius BKS 97B1-686.48 của ông Đinh Như D, sinh năm 1975, trú tại thôn Ch, xã V, huyện B, tỉnh Bắc Kạn là bố đẻ của Đ, Th nói là đi ra thị trấn P để rút tiền, ông D đồng ý. Mượn được xe mô tô, Th điều khiển chở theo B ra đường QL3, đi về hướng thành phố B, tỉnh Bắc Kạn, trên đường đi cả hai thống nhất nếu có tài sản để sơ hở thì sẽ lấy trộm. Tuy nhiên, khi đi đến khu vực Ủy ban nhân dân xã C, huyện B cả hai không phát hiện có tài sản gì có thể lấy trộm được nên Th tiếp tục điều khiển xe mô tô chở B quay về nhà Đinh Thị Đ. Trên đường về đến khu vực thôn N, xã V, Th dừng xe để hút thuốc lá. Lúc này, B nói với Th có một ngôi nhà cách vị trí B và Th đứng khoảng 50m khóa cửa ngoài (là nhà của anh Nông Văn T), rồi cả hai bàn bạc, thống nhất đột nhập vào nhà anh T để trộm cắp tài sản. Cụ thể, B sẽ là người trực tiếp đột nhập vào nhà để tìm kiếm tài sản lấy trộm, còn Th đứng ở khu vực phía ngoài để canh giới, khi có bất thường sẽ gọi điện thoại cho B. Phân công nhiệm vụ xong, B đi bộ đến nhà anh T, quan sát xung quanh không thấy có ai, thấy cửa chính đã khóa nhưng phía trên tường nhà không sát vào mái (tường nhà được bung bằng ván gỗ), người có thể chui qua được. Sau đó, B dẫm lên hai bao phân lân được xếp trên một đầu máy nổ từ trước, rồi trèo qua tường vào phía trong nhà anh T. Khi vào bên trong nhà, quan sát thấy trên tấm đệm đã được gập lại ở trên giường có một chiếc điện thoại di động màu đen, màn hình cảm ứng nhãn hiệu Samsung J2 Pro, B cầm lấy cho vào túi quần trước bên phải đang mặc, rồi tiếp tục quan sát thấy một chiếc tủ gỗ có hai cánh, B mở cả hai cánh tủ ra lục lọi nhưng không phát hiện được tài sản gì; nhìn sang bên cạnh thấy một chiếc tủ kệ ti vi, trong đó có một cánh tủ được đóng kín, B dùng tay trái nắm lấy tay cầm cánh tủ rồi giật mạnh thì cánh tủ bật ra và thấy ở góc tủ bên

phải có một sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, B cầm lấy cho vào túi quần sau bên phải đang mặc, rồi tiếp tục lục lọi thì nghe thấy có tiếng xe mô tô đi vào sân nên B đã chạy khỏi nhà anh T bằng đường cửa bếp. Th đứng chờ khoảng 05 phút thì thấy có một người đàn ông đi xe máy vào nhà anh T nên đã gọi điện thoại cho B để báo có người về nhưng B không nghe máy. Th điều khiển xe mô tô đi lên ngã ba đường rẽ vào thôn N, xã V thì dừng lại và tiếp tục gọi điện thoại nhưng B cũng không nghe. Lúc sau, B gọi lại cho Th báo vào đón ở đỉnh dốc thôn N, Th điều khiển xe mô tô đi được khoảng 200m thì gặp rồi chở B đi ngược về hướng UBND xã V. Khi đi qua UBND xã V, Th hỏi B có lấy trộm được gì không thì B nói lấy được một chiếc điện thoại và một sợi dây chuyền vàng và đưa hết số tài sản này cho Th giữ, rồi cả hai đi về nhà Đ ăn cơm trưa. Khoảng 12 giờ cùng ngày, Th rủ Đ đi ra thị trấn P chơi, mục đích để bán số tài sản vừa trộm được, Đ đồng ý. Th tiếp tục mượn chiếc xe mô tô trên của ông Đinh Như D chở Đ đi ra thị trấn P, đến Cửa hàng vàng bạc Thơm Đoan, Th dừng xe trước Cửa hàng và lấy sợi dây chuyền trong túi quần ra đưa cho Đ và bảo Đ đem bán, Đ cầm sợi dây chuyền đi vào bán cho chủ Cửa hàng là ông Nguyễn Duy Đ, sinh năm 1970, trú tại phố N, thị trấn P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn được số tiền 1.386.000đ (Một triệu, ba trăm tám sáu nghìn đồng), khi ông Đ trả tiền thì Th cũng đứng ở đó và cầm lấy tiền. Sau đó, Th tiếp tục chở Đ đi về hướng thành phố B, khi đến khu vực thôn N, xã C, huyện B thì nhìn thấy Cửa hàng mua bán, sửa chữa điện thoại Trường Giang, Th dừng xe rồi cùng Đ đi vào Cửa hàng bán chiếc điện thoại trộm được cho anh Hứa Văn Tr, sinh năm 1993, trú tại thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Bắc Kạn được số tiền 450.000đ (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng). Tổng số tiền Th bán các tài sản trộm cắp có được là 1.836.000đ (Một triệu tám trăm ba sáu nghìn đồng). Bán xong chiếc điện thoại, Th tiếp tục điều khiển xe mô tô chở Đ quay về nhà Đ. Trên đường về, do trời mưa nên Th đã sử dụng 11.000đ (Mười một nghìn đồng) trong tổng số tiền 1.836.000đ (Một triệu, tám trăm ba mươi sáu nghìn đồng) để mua áo mưa. Số tiền còn lại là 1.825.000đ (Một triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng) bị Cơ quan CSĐT Công an huyện B tạm giữ.

Tại kết luận định giá tài sản số 28/KL-ĐGTS ngày 16/9/2019 Hội đồng định giá tài sản huyện B kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J2 Pro có giá là 800.000 đồng.

Tại kết luận giám định số 5297/C09-P4 ngày 23/9/2019 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng khắc chữ số 10K gửi giám định có tổng khối lượng là 4,74g và đều là vàng trang sức. Tại kết luận định giá tài sản số 39/KL-ĐGTS ngày 16/10/2019 Hội đồng định giá tài sản huyện B kết luận: 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng có khắc chữ số 10K có giá là 2.500.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản mà Lê Văn Th và Hứa Văn B trộm cắp được có giá trị là 3.300.000 đồng (Ba triệu ba trăm nghìn đồng).

Tại bản cáo trạng số: 05/CT-VKS-BT, ngày 13 tháng 02 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn truy tố đối với Lê Văn Th và Hứa Văn B về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Điều luật có nội dung: *“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*

.....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị:

* Áp dụng khoản 1, Điều 173, điều 38, điểm s khoản 1, Điều 51; điểm h, khoản 1 Điều 52; Điều 56/BLHS. Xử phạt bị cáo Lê Văn Th từ 15(mười lăm) đến 18 (mười tám) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt tại Bản án số 291/2019/HSST, ngày 25/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án.

* Áp dụng khoản 1, Điều 173, điều 38, điểm s khoản 1, Điều 51; Điều 56; Điều 91; Điều 101; Điều 104/BLHS. Xử phạt bị cáo Hứa Văn B từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt tại Bản án số 291/2019/HSST, ngày 25/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án.

* Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

* Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường, nên không đề nghị xem xét.

Ghi nhận sự thỏa thuận của ông Nguyễn Duy Đ và anh Hứa Văn Tr về việc giải quyết phần dân sự: Cụ thể ông Đ nhận số tiền 1.375.000^d (Một triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), anh Tr nhận số tiền 450.000^d (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng) trong tổng số tiền 1.825.000đ (Một triệu, tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tạm giữ được của Lê Văn Th.

* Về nội dung ông D trình bày có cho Th mượn số tiền là 1.500.000 đồng nhưng không có giấy tờ. Quá trình nhận lại xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius BKS 97B1-686.48 ông D phải chi phí hết số tiền là 1.500.000 đồng. Do ông D

không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu này. Nên không có căn cứ để đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết trong vụ án.

* Về xử lý vật chứng: áp dụng điều 47/BLHS và Điều 106/BLTTHS

- Tịch thu, hóa giá, sung quỹ nhà nước: 01 (một) điện thoại di động màu xanh, bàn phím cứng nhãn hiệu Nokia đã qua sử dụng của Hứa Văn B, được niêm phong trong phong bì ký hiệu “B-ĐT”; 01 (một) điện thoại di động màu đen, bàn phím cứng nhãn hiệu Nokia X1 đã qua sử dụng của Lê Văn Th, được niêm phong trong phong bì ký hiệu “T-ĐT”.

- Trả lại cho anh Nông Văn Th: 01 (một) điện thoại di động màu đen, màn hình cảm ứng nhãn hiệu Samsung J2 Pro đã qua sử dụng, được niêm phong trong phong bì ký hiệu “T”; 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng có khắc chữ 10K. Sau khi giám định, được niêm phong trong phong bì số 5297/C09-P4 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an.

- Trả lại cho ông Nguyễn Duy Đ số tiền: 1.375.000^d (Một triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng),

- Trả lại cho anh Hứa Văn Tr số tiền: 450.000^d (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng)

- Trả lại cho bị cáo Lê Văn Th 01 (một) điện thoại di động màu vàng đồng, màn hình cảm ứng nhãn hiệu Samsung J3 đã qua sử dụng, được niêm phong trong phong bì ký hiệu “J-ĐT”.

* Về án phí: Các bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo, hộ nghèo và có đơn đề nghị miễn án phí, đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định cho các bị cáo.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo B trình bày bản luận cứ, đồng ý với bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố, xét xử B về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1, điều 173/BLHS là đúng. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nhân thân, điều kiện, hoàn cảnh gia đình của bị cáo, bố mẹ bị cáo đều là lao động tự do, hạn chế nhận thức nên chưa dành nhiều thời gian để trông nom, quan tâm, chăm sóc bị cáo B khi chưa thành niên. Đề nghị áp dụng điểm s, khoản 1, Điều 51; Điều 91; Điều 101/BLHS cho bị cáo được hưởng mức án từ 06 đến 09 tháng tù. Do bị cáo thuộc diện hộ nghèo nên đề nghị căn cứ Điều 12 –Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định cho bị cáo.

Bị cáo Thức, bị cáo B thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội trộm cắp tài sản như cáo trạng đã truy tố và nói lời sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại Nông Văn T đề nghị được nhận lại tài sản là 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung J2 Pro; 01 (một) dây chuyền vàng tây. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị được nhận lại số tiền đã bỏ ra mua tài sản và có thỏa thuận, đề nghị trong số tiền đã tạm giữ được của bị cáo Th: 1.825.000đ (Một triệu tám trăm hai năm nghìn đồng) ông Đ tự nguyện nhận số tiền 1.375.000^d (Một triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), anh Tr nhận số tiền 450.000^d (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng). Ông Đ không yêu cầu bị cáo Th phải trả số tiền 11.000 đồng; anh T, ông Đ, anh Tr không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm và bị hại Nông Văn T đề nghị xét xử các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, ông Đinh Như D trình bày đã nhận lại tài sản là 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius BKS 97B1-686.48, ông D không có yêu cầu gì đối với bị cáo Bằng. Ông D yêu cầu Th trả số tiền 1.500.000 đồng do Th đã mượn của ông trong thời gian sinh sống tại gia đình ông và 1.500.000 đồng ông D phải chi phí cho việc nhận lại xe mô tô tại cơ quan điều tra tạm giữ theo vụ án. Tổng số tiền ông D yêu cầu Th phải trả cho ông là 3.000.000 đồng.

Những người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Bà Lăng Thị Nh là người đại diện hợp pháp của bị cáo Hứa Văn B đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đến ngày mở phiên tòa đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa, bà Nh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và thừa nhận đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng không đến tham gia phiên tòa. Bị cáo Hứa Văn B đồng ý đề nghị xét xử vắng mặt người đại diện hợp pháp cho bị cáo là bà Lăng Thị Nh. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292/BLTTHS xét xử vắng mặt bà Lăng Thị Nh.

[3]. Tại phiên tòa xác định: Bị cáo Th và bị cáo B là người lười lao động, ham chơi, đua đòi, do cần tiền để chi tiêu cá nhân nên khoảng 11^h ngày 09/8/2019 tại nhà ở của anh Nông Văn T thuộc thôn N, xã V, huyện B, tỉnh Bắc

Kạn, Lê Văn Th và Hứa Văn B đã có hành vi lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của anh Nông Văn T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J2 Pro và 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, tổng trị giá tài sản là 3.300.000đ (Ba triệu ba trăm nghìn đồng).

Xét thấy lời khai nhận các bị cáo là phù hợp với không gian, thời gian, lời trình bày của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng, tang vật đã thu giữ cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ căn cứ xác định việc truy tố, xét xử bị cáo Lê Văn Th và bị cáo Hứa Văn B về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1, Điều 173 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

Xét tính chất hành vi các bị cáo thực hiện là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương, gây tâm lý hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Vì vậy cần xử lý nghiêm nhằm giáo dục, cải tạo các bị cáo và phòng ngừa chung.

[4]. Xét vai trò, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Xét vai trò của các bị cáo: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo Th là chủ mưu và có ý đồ thực hiện hành vi trộm cắp từ trước. Khi có cơ hội, Th đã phân công cụ thể vai trò của bản thân và của bị cáo B. Bị cáo Th có vai trò tích cực hơn nên phải chịu hình phạt cao hơn. Nhân thân bị cáo Th có 01 tiền án, chưa được xóa án tích nên phải chịu tình tiết tăng nặng là “Tái phạm” quy định tại điểm h, khoản 1, Điều 52/BLHS. Nhận thấy, trước khi thực hiện hành vi trộm cắp trong vụ án này các bị cáo đã cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại thành phố B, tỉnh Bắc Ninh và bị Tòa án nhân dân thành phố B xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số: 291/2019/HSST, ngày 25/11/2019), nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi lượng hình đối với các bị cáo.

Tuy nhiên, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, khoản 1, điều 51/BLHS.

Bị cáo Bằng là người tích cực thực hiện hành vi trộm cắp, tuy nhiên khi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên bị cáo được hưởng chính sách áp dụng pháp luật đối với người dưới 18 tuổi phạm tội quy định tại chương XII Bộ luật hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo khi lượng hình.

Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về áp dụng mức hình phạt: Bị cáo Th từ 15 đến 18 tháng tù và bị cáo Bằng từ 09 đến 12 tháng tù là quá nhẹ. Hội đồng xét xử xét thấy hành vi trộm cắp tài sản của các bị cáo là rất nguy

hiểm cho xã hội, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân, vì Th và B không phải người dân địa phương nhưng có hành vi rất liều lĩnh, bất chấp các quy định của pháp luật lén lút xâm phạm tài sản của người khác tại xã V (nơi Th, B chỉ đến ở lần đầu, trong một thời gian ngắn). Đồng thời trước khi thực hiện hành vi trộm cắp tại xã V thì các bị cáo đã cùng nhau trộm cắp tại thành phố B và đã bị xét xử. Vì vậy, cần buộc các bị cáo phải chấp hành một hình phạt nghiêm khắc hơn mức mà đại diện viện kiểm sát đề nghị mới có tính giáo dục, răn đe đối với các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập, không có tài sản riêng nên không có khả năng thi hành do đó không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 291/2019/ HSST, ngày 25/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Ninh xử phạt Lê Văn Th 28 (Hai mươi tám) tháng tù và Hứa Văn B 16 (mười sáu) tháng tù. Các bị cáo đang thi hành án bản án trên. Do vậy cần phải tổng hợp hình phạt của bản án đang xét xử theo quy định tại Điều 56/BLHS.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường, nên hội đồng xét xử không xem xét.

Ghi nhận sự thỏa thuận của ông Nguyễn Duy Đ và anh Hứa Văn Tr về việc giải quyết phần dân sự: Cụ thể ông Đ nhận lại số tiền 1.375.000^d (Một triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), anh Tr nhận lại số tiền 450.000^d (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng) trong tổng số tiền 1.825.000^d (Một triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng). Ghi nhận việc ông Nguyễn Duy Đ không yêu cầu bị cáo Th phải hoàn trả số tiền 11.000^d (mười một nghìn đồng) mà bị cáo Th đã sử dụng cá nhân trong tổng số tiền mà ông Đ đã bỏ ra mua sợi dây truyền với Th.

[8]. Trong vụ án này có Đinh Thị Đ là người đã cùng Th đi tiêu thụ tài sản do Th, B tàng trữ phạm tội mà có, tuy nhiên Đ không biết đó là tài sản có nguồn gốc trộm cắp nên không xử lý đối với Đ là đúng quy định.

Ông Đinh Như D là chủ sở hữu xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius BKS 97B1-686.48, ngày 09/8/2019 cho bị cáo Th mượn để làm phương tiện đi lại, nhưng ông D không biết Th và B đã sử dụng xe làm phương tiện trộm cắp tài sản, nên quá trình giải quyết vụ án cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Đinh Như D là đúng quy định của pháp luật, ông D không có yêu cầu gì trong vụ án.

Việc ông D trình bày có cho Th mượn số tiền là 1.500.000 đồng nhưng không có giấy tờ. Quá trình nhận lại xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius BKS 97B1-686.48 ông D trình bày phải chi phí hết số tiền là 1.500.000 đồng, nhưng ông D không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu này. Tại phiên tòa

ông D yêu cầu Th phải trả cho ông D số tiền là 3.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy đây là quan hệ dân sự giữa bị cáo Th và ông D, nếu có tài liệu, chứng cứ thì ông D khởi kiện bị cáo Th bằng một vụ án dân sự. Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[9]. Về vật chứng:

- 01 (một) điện thoại di động màu đen, màn hình cảm ứng nhãn hiệu Samsung J2 Pro đã qua sử dụng, được niêm phong trong phong bì ký hiệu “T” và 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng có khắc chữ 10K. Sau khi giám định, được niêm phong trong phong bì số 5297/C09-P4 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an. Hội đồng xét xử thấy, đây là tài sản của anh Nông Văn T, tại phiên tòa anh T đề nghị được nhận lại tài sản trên, nên cần trả lại các tài sản trên cho anh Nông Văn T là phù hợp với quy định của pháp luật.

- 01 (một) điện thoại di động màu vàng đồng, màn hình cảm ứng nhãn hiệu Samsung J3 đã qua sử dụng của Lê Văn Th, được niêm phong trong phong bì ký hiệu “J-ĐT” là tài sản của Lê Văn Th, không liên quan đến việc phạm tội, cần trả lại cho bị cáo Th.

- 01 (một) điện thoại di động màu đen, bàn phím cứng nhãn hiệu Nokia X1 đã qua sử dụng của Lê Văn Th, được niêm phong trong phong bì ký hiệu “T-ĐT” – là tài sản của bị cáo Th, liên quan đến việc phạm tội, nên cần tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước.

- 01 (một) điện thoại di động màu xanh, bàn phím cứng nhãn hiệu Nokia đã qua sử dụng của Hứa Văn B, được niêm phong trong phong bì ký hiệu “B-ĐT” – là tài sản của bị cáo B, liên quan đến việc phạm tội, nên cần tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước.

- Đối với số tiền 1.825.000đ (Một triệu tám trăm hai năm nghìn đồng) tạm giữ được của bị cáo Lê Văn Th. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa làm rõ đây là số tiền mà bị cáo Th đã bán tài sản trộm cắp được cho ông Đ và anh Tr được số tiền là 1.836.000 đồng, sau đó bị cáo Th sử dụng cho cá nhân 11.000 đồng. Số tiền còn lại là 1.825.000đ. Tại phiên tòa, ông Nguyễn Duy Đ và anh Hứa Văn Tr đề nghị nhận lại số tiền đã phải trả cho bị cáo Th khi mua tài sản và tự nguyện thỏa thuận như sau: ông Đ nhận lại số tiền 1.375.000^d (Một triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), anh Tr nhận lại số tiền 450.000^d (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng). Ông Đ không yêu cầu bị cáo Th phải trả số tiền là 11.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy, sự thỏa thuận trên là phù hợp với quy định của pháp luật, cần được ghi nhận.

[10]. Về án phí: Các bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo, hộ nghèo và có đơn đề nghị miễn án phí. Căn cứ Điều 12 - Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng

án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định cho các bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

* Tuyên bố: Các bị cáo Lê Văn Th và Hứa Văn B phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm s, khoản 1, Điều 51; điểm h, khoản 1, Điều 52; Điều 56/BLHS.

Xử phạt bị cáo Lê Văn Th 24 (Hai mươi tư) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt 28 (Hai mươi tám) tháng tù tại bản án số: 291/2019/HSST, ngày 25/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Buộc bị cáo Lê Văn Th phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 52 (Năm mươi hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/8/2019.

- Căn cứ khoản 1, Điều 173, Điều 38, điểm s, khoản 1, Điều 51; Điều 91; Điều 101; Điều 104 và Điều 56/BLHS.

Xử phạt bị cáo Hứa Văn B 15 (mười lăm) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt 16 (mười sáu) tháng tù tại bản án số: 291/2019/HSST, ngày 25/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Buộc bị cáo Hứa Văn B phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 31 (Ba mươi một) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/01/2020.

* Về xử lý vật chứng: Căn cứ điều 47/BLHS và Điều 106/BLTTHS

- Tịch thu, hóa giá, sung quỹ nhà nước: 01 (một) điện thoại di động màu xanh, bàn phím cứng nhãn hiệu Nokia đã qua sử dụng của Hứa Văn B, được niêm phong trong phong bì ký hiệu “B-ĐT”; 01 (một) điện thoại di động màu đen, bàn phím cứng nhãn hiệu Nokia X1 đã qua sử dụng của Lê Văn Th, được niêm phong trong phong bì ký hiệu “T-ĐT”;

- Trả lại cho anh Nông Văn T: 01 (một) điện thoại di động màu đen, màn hình cảm ứng nhãn hiệu Samsung J2 Pro đã qua sử dụng, được niêm phong trong phong bì ký hiệu “T”; 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng có khắc chữ 10K. Sau khi giám định, được niêm phong trong phong bì số 5297/C09-P4 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an.

- Trả lại cho Lê Văn Th: 01 (một) điện thoại di động màu vàng đồng, màn hình cảm ứng nhãn hiệu Samsung J3 đã qua sử dụng của Lê Văn Th, được niêm phong trong phong bì ký hiệu “J-ĐT”.

- Trả lại cho ông Nguyễn Duy Đ số tiền: 1.375.000^d (Một triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

- Trả lại cho anh Hứa Văn Tr số tiền: 450.000^d (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng) trong tổng số tiền: 1.825.000^d (Một triệu, tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng) đã tạm giữ. *(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B, tỉnh Bắc Kạn và Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bắc Kạn ngày 26 tháng 02 năm 2020)*

* Về án phí: Căn cứ Điều 12, Điều 15 - Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Lê Văn Th và Hứa Văn B.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Án xử công khai sơ thẩm, các bị cáo, người bào chữa, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người đại diện hợp pháp của bị cáo B (bà Lăng Thị Nh) vắng mặt có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND B 1;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn 1;
- CA huyện B 2;
- Bị cáo 2;
- Người ĐDHP của bị cáo 1;
- Người bào chữa 1;
- Bị hại 1;
- Người có QLNVLQ 3;
- TA tỉnh Bắc Kạn 1;
- Sở tư pháp 1;
- THADS 1;
- Lưu Hồ sơ vụ án 1;
- Lưu VP 1;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Ma Thị Nguyên

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đình Thỏa + Đinh Thị Mỹ

Ma Thị Nguyên

